

Số: 1568 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội
theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu

HỎA TỐC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 130/TTr-LĐTBXH ngày 15 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu gồm 3.596 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 5.339.900.000 đồng (năm tỷ, ba trăm ba mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn); cụ thể:

1. Có 3.535 người được hỗ trợ 03 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 5.302.500.000 đồng.

2. Có 20 người chết trong tháng 4 năm 2020: Hỗ trợ 01 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 10.000.000 đồng.

3. Có 07 người chết trong tháng 5 năm 2020: Hỗ trợ 02 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 7.000.000 đồng.

4. Có 34 người là đối tượng bảo trợ xã hội bán vé số: Đã được chi hỗ trợ 900.000 đồng từ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai, tiếp tục chi hỗ trợ bổ sung 600.000 đồng/người, số tiền là 20.400.000 đồng.

5. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách huyện Vĩnh Cửu (50% dự phòng ngân sách huyện năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách huyện).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Signature]
Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH
ĐOÌ TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19 HUYỆN VĨNH CỬU

(Kèm theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (Nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19	
1 Xã Hiếu Liêm									
1	1	Bùi Công Chánh	1928		Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
2	2	Bùi Đình Chiến	2008		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
3	3	Bùi Hoàng Phương Chi		2014	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
4	4	Bùi Khắc Bảy	1970		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
5	5	Bùi Thị Định		1948	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
6	6	Đặng Bảo Thi		2007	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
7	7	Đặng Mạnh Tuấn	1991		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
8	8	Đặng Thị Em		1940	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
9	9	Đặng Thị Hiền		1948	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
10	10	Đào Văn Thắng	1953		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	

11	11	Đinh Thị Lộc			1961		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
12	12	Đinh Văn Lâm	1968			170272901	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
13	13	Đỗ Thị Thuận		1956		271493433	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
14	14	Đoàn Thị Hoa		1980		271756776	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	600	Đã nhận 900.000đ vé số
15	15	Doãn Thị Út		1988		173004212	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
16	16	Dương Năm	1941			271490152	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
17	17	Dương Thị Hoa		1991		272276235	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
18	18	Dương Thị Hoa		1933		272220995	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
19	19	Giang Thanh Hùng	1988			341908722	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
20	20	Hà Thanh Bình	1974			272455637	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
21	21	Hà Văn Ích	1940			272618682	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
22	22	Hồ Chí Duẩn	1976			271514039	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
23	23	Hồ Thị Nhung		1991		271977584	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
24	24	Hoàng Thị Hồng		1969		272712693	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
25	25	Hoàng Thị Hương		1951		272220537	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
26	26	Hoàng Xuân Quân	1971				Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
27	27	Huỳnh Thị Diệu		1948		270374925	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
28	28	Huỳnh Thị Mỹ Ngân		2000		272925642	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
29	29	Huỳnh Thị Nhỏ		1938		272420977	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
30	30	Lâm Bích Xuân		1967			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
31	31	Lê Đăng Hoàn	1954			272617133	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
32	32	Lê Đình Tình	1944			270854449	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
33	33	Lê Thị Gai		1937		272226581	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	300	1.500	
34	34	Lê Thị Gạo		1956		272220873	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, NĐ 136	450	1.500	
35	35	Lê Thị Liên		1949		180222166	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	750	1.500	
36	36	Lê Thị Thất		1959		271626247	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
37	37	Lê Thị Vui		1941		272145167	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	

38	38	Lê Văn Chất	1968		271925109	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
39	39	Mai Thị Huyền		1950	272441534	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
40	40	Mai Văn Chinh	1930		272362025	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
41	41	Ngô Đại Mỹ	1946		272310799	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
42	42	Nguyễn Bá Công	1964		272220664	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
43	43	Nguyễn Đình Thành	1962		182399337	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
44	44	Nguyễn Đức Chính	1960			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
45	45	Nguyễn Đức Thành	1940		272475438	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
46	46	Nguyễn Hồ Mỹ Nhung		2011		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
47	47	Nguyễn Hoài Mong	1964		272846195	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
48	48	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	2009			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
49	49	Nguyễn Khai	1951		270361010	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	450	1.500	
50	50	Nguyễn Nam Hải	1949		272534688	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
51	51	Nguyễn Quang Khởi	1935		272654752	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
52	52	Nguyễn Thanh Minh	2001		272846250	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
53	53	Nguyễn Thị Ánh Ngọc		2006		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
54	54	Nguyễn Thị Bậu	1939		272251011	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
55	55	Nguyễn Thị Dàng	1938			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
56	56	Nguyễn Thị Hai	1934		272515220	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
57	57	Nguyễn Thị Hạnh	1949		272554063	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
58	58	Nguyễn Thị Hoa	1935		270563226	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
59	59	Nguyễn Thị Huệ	1937		272618960	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
60	60	Nguyễn Thị Hương	1925			Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
61	61	Nguyễn Thị Kiêm	1924		181645998	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
62	62	Nguyễn Thị Kiên	1938		130651690	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
63	63	Nguyễn Thị Mai	1976		271325912	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
64	64	Nguyễn Thị Ngoan	1964		272362441	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	

65	65	Nguyễn Thị Nhỏ		1956	272959890	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
66	66	Nguyễn Thị Oánh		1934	272666694	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
67	67	Nguyễn Thị Thiện		1966	272220803	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
68	68	Nguyễn Thị Thiết		1937	272232256	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
69	69	Nguyễn Thị Thùy Dung		1993	272164845	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
70	70	Nguyễn Thị Tình		1970		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
71	71	Nguyễn Thị Tura		1938	270290915	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
72	72	Nguyễn Thị Vững		1966	272175376	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
73	73	Nguyễn Thị Yên		1945	271374530	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
74	74	Nguyễn Tiến Long	1989		271828019	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
75	75	Nguyễn Văn Lâu	1933		270290937	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
76	76	Nguyễn Văn Oanh	1958		180109726	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
77	77	Nguyễn Văn Thi	1940		272515402	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
78	78	Nguyễn Việt Dũng	2010			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
79	79	Nguyễn Vũ Lâm	1973		271493387	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
80	80	Nông Hoàng Thành Đạt	2012			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
81	81	Nông Thị Kim Duyên		2002		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
82	82	Nông Văn Viện	1980		271377560	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
83	83	Phạm Hồng Hải	1977		272441729	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
84	84	Phạm Hồng Sang	1997		272495629	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
85	85	Phạm Ngọc Gia Minh	2012			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
86	86	Phạm Ngọc Phú	1954			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
87	87	Phạm Quang Việt	1969		271907010	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
88	88	Phạm Thanh Hào	2005			Hiếu Liêm	Khoản 1, Điều 5, ND 136	450	1.500	
89	89	Phạm Thị Hà		1957	160705920	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
90	90	Phạm Thị Hằng		1965	272145857	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
91	91	Phạm Thị Hương		1937	181022937	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	

92	92	Phạm Thị Kiều Nhi		1986		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
93	93	Phạm Thị Nguyệt		1933	184204824	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
94	94	Phạm Văn Hùng	2000		272675638	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
95	95	Phan Quốc Việt	2008			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
96	96	Phan Thị Hoài Thương		2002	272846262	Hiếu Liêm	Khoản 2, Điều 5, ND 136	450	1.500	
97	97	Phan Trung Nghĩa	1997			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
98	98	Phan Văn Cẩn	1940			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
99	99	Tăng Văn Hoàn	1936		272325993	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
100	100	Tổng Văn Liêm	1956		272220175	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
101	101	Trần Đình Quốc	1983		272294376	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
102	102	Trần Hoàng Danh	2003			Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
103	103	Trần Hữu Thù	1930		181128040	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
104	104	Trần Thị Dân		1936	272830253	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
105	105	Trần Thị Diễm		1961	161010611	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
106	106	Trần Thị Hối		1963	160486546	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
107	107	Trần Thị Thanh		1937	181280953	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
108	108	Trần Thị Thúy		1970	272220978	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
109	109	Trần Thị Xuân		1934	270372433	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
110	110	Trần Văn Hòa	1936		260300812	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
111	111	Trần Văn Sĩ	1940		363815135	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
112	112	Trình Ngọc Hùng	1986		271769910	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
113	113	Trịnh Thị Hòa		2003		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
114	114	Trịnh Thị Roanh		1935	272564932	Hiếu Liêm	Khoản 5, Điều 5, ND 136	300	1.500	
115	115	Trương Đình Luyện	1985		271842749	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	
116	116	Trương Gia Tú		2005		Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	750	1.500	
117	117	Trương Thị Minh		1960	272145805	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	600	1.500	
118	118	Trương Thủy Dương		1977	121099796	Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, ND 136	450	1.500	

119	119	Võ Anh Tuấn	2008				Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
120	120	Vũ Đăng Khoa	2006				Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
121	121	Vũ Đức Hải	2009				Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
122	122	Vương Lê Kim Thành	2012				Hiếu Liêm	Khoản 6, Điều 5, NĐ 136	600	1.500	
2 Xã Bình Lợi											
123	1	Bùi Thị Cúa		01/01/1951		270371670	áp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
124	2	Bùi Trường Dũng	13/04/1958			270373207	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
125	3	Bùi Văn Đầu	01/01/1936			270373077	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
126	4	Bùi Văn Sáng	01/01/1956			272712068	áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
127	5	Cao Thị Rót		01/01/1934			áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
128	6	Cao Văn Nhon	01/01/1938			270371541	áp 03	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
129	7	Chung Thị Hai		01/01/1936		270373447	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
130	8	Đặng Thị Hội	01/01/1933			270370369	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
131	9	Đặng Thị Xuyên		09/05/1959		270371709	áp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
132	10	Đặng Văn Ngân	01/01/1940			270380014	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
133	11	Đào Chu Toàn	01/01/1988				áp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
134	12	Đào Huỳnh Anh Tài	04/08/2009				áp 03	Khoản 1 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
135	13	Đào Minh Tuấn	28/10/1982			271427618	áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
136	14	Đào Phi Hùng	28/11/1939			270041138	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
137	15	Đào Tấn Thùy Dương		31/01/1976		270096786	áp 1	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
138	16	Đào Thị Định		01/01/1926			áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
139	17	Đào Thị Kim Loan		01/01/1971		270371666	áp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
140	18	Đào Thị Yến		14/04/1965			áp 01	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
141	19	Đào Văn Năm	01/01/1931			270373446	áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
142	20	Đào Văn Sanh	01/01/1935			270371583	áp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
143	21	Đào Văn Thảo	01/01/1937			270371791	áp 02	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
144	22	Đinh Tấn Phát	09/09/1989			271827597	áp 2		600	1.500	

145	23	Đỗ Thế Giang	13/11/1980		271468966	ấp 01	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
146	24	Đoàn Minh Huy	27/03/1973		271018407	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
147	25	Đoàn Thị Đỏ		01/01/1930	270371852	ấp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
148	26	Đoàn Thị Em		01/01/1938	270370824	ấp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
149	27	Đoàn Thị Minh Hiếu		25/03/1968	272239806	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
150	28	Đoàn Thị Minh Thùy		01/01/1982	271650313	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
151	29	Đoàn Văn Lùng	01/01/1940		270370450	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
152	30	Đoàn Văn Nghệ	01/01/1939		270371198	ấp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
153	31	Dương Cao Sơn Bảo Anh	07/06/1999		272688529	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
154	32	Dương Thị Bé		01/01/1938		ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
155	33	Dương Thị Dòn		01/01/1929		ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
156	34	Hồ Quang Trung	01/01/1991		270371696	ấp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
157	35	Hồ Thị Bông		01/01/1953	270373187	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
158	36	Hồ Thị Bông		01/01/1932	270371099	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	500	Chết T4/2020
159	37	Hồ Thị Sáu		01/01/1937	270371290	ấp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
160	38	Hoàng Thị An		01/01/1936	210445535	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
161	39	Huyền Anh Tuấn	04/10/2015			ấp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
162	40	Huyền Giang Sang	13/02/1962		270371331	ấp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
163	41	Huyền Hào Kiệt	06/04/2002		272880059	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
164	42	Huyền Kim Trọng	01/01/1962		270370691	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
165	43	Huyền Thanh Phương	01/01/1956		270373665	ấp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
166	44	Huyền Thị Chiên		01/01/1931	270373573	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
167	45	Huyền Thị Chới		01/01/1931	270371601	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
168	46	Huyền Thị Hoa		01/01/1940	270373667	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
169	47	Huyền Thị Lài		01/01/1940	270370432	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
170	48	Huyền Thị Liên		01/01/1935	272362128	ấp 2 -	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
171	49	Huyền Thị Miêu		01/01/1939	270371308	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	

172	50	Huỳnh Thị Nhị		01/01/1939	270371821	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
173	51	Huỳnh Thị Phương		01/01/1939	272229263	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
174	52	Huỳnh Thị Quyền		01/01/1938	272105402	áp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
175	53	Huỳnh Thị Tờ		01/01/1929	270371471	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
176	54	Huỳnh Thị Tốt		01/01/1925	270373494	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
177	55	Huỳnh Thị Trước		01/01/1930		áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
178	56	Huỳnh Thị Tư		01/01/1940	272105190	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
179	57	Huỳnh Thị Xinh		01/01/1932	270373635	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
180		Huỳnh Văn Lăng	01/01/1936		270371943	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
181		Huỳnh Văn Mơ	01/01/1935		270370580	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
182		Huỳnh Văn Nền	01/01/1927		270373617	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
183		Huỳnh Văn Nữ	01/01/1965		270629966	áp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500
184		Huỳnh Văn Phước	01/01/1935		270371523	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
185		Huỳnh Văn Tiên	01/01/1971		270908931	áp 02	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500
186		Lại Thị Cẩm Tiên		21/08/2000	270830944	áp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500
187	65	Lê Văn Tài	01/01/1938		270373202	áp 04	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
188	66	Lê Hồng Điện	01/01/1970		270906820	áp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500
189	67	Hùng Long	25/08/1983		271459231	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500
190		Lê Văn Phước	23/09/2009			áp 5	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500
191		Lê Văn Bằng	02/04/1978		271355692	áp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500
192	70	Lê Nguyễn Sinh Vi		13/08/2002	272880569	áp 4	Khoản 2 Điều 5 ND 136	450	1.500
193	71	Lê Quang Mẫn	01/01/1949		272229262	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
194	72	Lê Thị A		01/01/1940		áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
195	73	Lê Thị An		01/01/1936	270371368	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
196	74	Lê Thị Gắng		01/01/1936	270373081	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
197	75	Lê Thị Hai		01/01/1939	270370692	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500
198	76	Lê Thị Hai		01/01/1931	270370969	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500

199	77	Lê Thị Hòa		01/01/1931	270373510	ấp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
200	78	Lê Thị Hương		01/01/1939	270370716	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
201	79	Lê Thị Kim		01/01/1940	270370609	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
202	80	Lê Thị Lòng		01/01/1931	270370342	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
203	81	Lê Thị Mạnh		01/01/1938	270370666	ấp 05	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
204	82	Lê Thị Nam Hà		26/01/1976	271371361	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
205	83	Lê Thị Nhanh		01/01/1962		ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
206	84	Lê Thị Nhị		01/01/1940	270373133	ấp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
207	85	Lê Thị Phức		01/01/1933	270371507	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
208	86	Lê Thị Phương		01/01/1954	272105503	ấp 05	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
209	87	Lê Thị Sang		01/01/1931		ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
210	88	Lê Thị Thạch		01/01/1929	270371350	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
211	89	Lê Thị Thanh		01/01/1970	270777407	ấp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
212	90	Lê Thị Thanh Hoa		01/01/1983		ấp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
213	91	Lê Thị Thị Thu Vân		01/01/1964	270371343	ấp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
214	92	Lê Thị Thuý Diễm		01/01/1973	270906769	ấp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
215	93	Lê Thị Trâm		01/01/1931	270373490	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
216	94	Lê Thị Trí		01/01/1938	270373491	ấp 04	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
217	95	Lê Thị Từ		01/01/1920	270370664	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
218	96	Lê Thị Tuyết Hồng		03/04/1963	270373321	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
219	97	Lê Thị Vân		01/01/1937		ấp 03	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
220	98	Lê Thị Vẽ		01/01/1942	270096306	ấp 02 -	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
221	99	Lê Văn Bi	01/01/1933		270371494	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
222	100	Lê Văn Diếp	01/01/1928		270371410	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
223	101	Lê Văn Lương	01/01/1939		270371050	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
224	102	Lê Văn Mai	01/01/1937			ấp 02	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
225	103	Lê Văn Phi	30/10/2003			ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	

226	104	Lê Văn Trung	01/01/1955		270368933	áp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
227	105	Lê Văn Xi	01/01/1940		270370778	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
228	106	Lê Vĩnh Bảo Linh	01/01/1983		270725390	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
229	107	Lương Công Thành	15/06/1968			áp 1	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
230	108	Lương Thị Ngánh		01/01/1930	270371107	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
231	109	Lương Thị Thu Loan		09/09/1978	271474664	áp 01	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
232	110	Lương Thị Tư		01/01/1932	270370695	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
233	111	Lương Thị Út		01/01/1933	270370420	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
234	112	Lương Thị Xinh		01/01/1935	270370340	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
235	113	Lương Văn Năm	01/01/1932		270370846	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
236	114	Lương Văn Sâm	01/01/1938		270371155	áp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
237	115	Lương Văn Trương	01/01/1929		272105476	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
238	116	Mai Thị Bùng		01/01/1936	270373312	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
239	117	Mai Thị Dữ		01/01/1932	370371005	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
240	118	Mai Thị Hết		01/01/1937		áp 02	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
241	119	Mai Văn Ba	11/08/1937		272534054	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
242	120	Ngô Thị Mạnh		01/01/1939	270371650	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
243	121	Ngô Thị Niễn		01/01/1939		áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
244	122	Ngô Thị Phé		01/01/1940	270370775	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
245	123	Ngô Thị Tâm		01/01/1927	270373118	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
246	124	Ngô Trọng Mùi	24/02/1955		270370876	áp 03	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
247	125	Nguyễn Đăng Khôi	10/11/2011			áp 2	Khoản 1 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
248	126	Nguyễn Hoàng Đức	27/12/2008			áp 01	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
249	127	Nguyễn Hữu Trí	01/01/1965		270608881	áp 1	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
250	128	Nguyễn Huỳnh Phi Bảo	10/11/2002			áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
251	129	Nguyễn Khắc Vện	27/12/2002		272995427	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
252	130	Nguyễn Lê Uyên Thảo		28/08/2005		áp 1	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	

253	131	Nguyễn Minh Phúc	01/01/1995			áp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
254	132	Nguyễn Ngọc Châu	01/01/1938		270373522	áp 04	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
255	133	Nguyễn Thanh Lộc	01/01/1967			áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
256	134	Nguyễn Thanh Phương	01/01/1989			áp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
257	135	Nguyễn Thanh Tân	01/01/1978			áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
258	136	Nguyễn Thị An		01/01/1939	270370635	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
259	137	Nguyễn Thị Ân		01/01/1952	270370763	áp 5	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
260	138	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		01/01/1995	272441351	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
261	139	Nguyễn Thị Ba		01/01/1938	270373104	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
262	140	Nguyễn Thị Bà		01/01/1934	270371168	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
263	141	Nguyễn Thị Bé		01/01/1940	270373173	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
264	142	Nguyễn Thị Bé		01/01/1937		áp 02	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
265	143	Nguyễn Thị Biên		01/01/1925	270371709	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
266	144	Nguyễn Thị Chôm		01/01/1932	270370503	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
267	145	Nguyễn Thị Cúc		01/01/1938	270370613	áp 05	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
268	146	Nguyễn Thị Đăng		01/01/1970		áp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
269	147	Nguyễn Thị Dành		01/01/1940	270371336	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
270	148	Nguyễn Thị Dó		01/01/1934	270373545	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
271	149	Nguyễn Thị Giới		01/01/1956	270370604	áp 05	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
272	150	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1971	272618551	áp 2	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
273	151	Nguyễn Thị Hồng		01/01/1938	270059385	áp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
274	152	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1928	270373483	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
275	153	Nguyễn Thị Hương		01/01/1927	270373370	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
276	154	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa		10/02/1986		áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
277	155	Nguyễn Thị Kim		01/12/1936		áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
278	156	Nguyễn Thị Lai		01/01/1931	270373440	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
279	157	Nguyễn Thị Lang		01/01/1934	270370866	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	

280	158	Nguyễn Thị Lệ		01/01/1936	270373068	ấp 1 -	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
281	159	Nguyễn Thị Lệ		01/01/1940	270370974	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
282	160	Nguyễn Thị Lùng		01/01/1937	270371423	ấp 02	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
283	161	Nguyễn Thị Lùng		01/01/1939	270370560	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
284	162	Nguyễn Thị Mười		05/08/1939	270370619	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
285	163	Nguyễn Thị Nghi		01/01/1928	270371793	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
286	164	Nguyễn Thị Ngọc Bích		20/11/1997		ấp 1		600	1.500	
287	165	Nguyễn Thị Ngọc Lũy		01/01/1933	270371634	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
288	166	Nguyễn Thị Nối		01/01/1939	270371427	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
289	167	Nguyễn Thị Phương Lan		06/01/1966	270608750	ấp 4		450	1.500	
290	168	Nguyễn Thị Sầu Riêng		01/01/1977	271843432	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
291	169	Nguyễn Thị Thành		03/10/1938	270370670	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
292	170	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1936	270371416	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
293	171	Nguyễn Thị Thành		01/01/1940		ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
294	172	Nguyễn Thị Thử		01/01/1935	270371663	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
295	173	Nguyễn Thị Thu Hằng		01/05/1994	272276175	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
296	174	Nguyễn Thị Tư		01/01/1937	270370882	ấp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
297	175	Nguyễn Thị Út		01/01/1966		ấp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
298	176	Nguyễn Thị Xám		01/01/1928	270373053	ấp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
299	177	Nguyễn Thị Xệ		01/01/1939	270371608	ấp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
300	178	Nguyễn Thùy Dung		09/06/2001	272830994	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
301	179	Nguyễn Trọng Hiền	01/01/1930		270081341	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
302	180	Nguyễn Trọng Hiếu	02/10/1982		271437685	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
303	181	Nguyễn Văn Bán	01/01/1940		272712064	ấp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
304	182	Nguyễn Văn Be	01/01/1938		270373437	ấp 04	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
305	183	Nguyễn Văn Cao	12/07/1955		270371950	ấp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
306	184	Nguyễn Văn Dón	01/01/1937		270371283	ấp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	

307	185	Nguyễn Văn Gân	01/01/1940		270371208	ấp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
308	186	Nguyễn Văn Giông	01/01/1956		270373108	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
309	187	Nguyễn Văn Hai	01/01/1939		270373359	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
310	188	Nguyễn Văn Hoi	01/01/1928		270373142	ấp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
311	189	Nguyễn Văn Hội	01/01/1939		270608816	ấp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
312	190	Nguyễn Văn Lắm	01/01/1977		271139101	ấp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
313	191	Nguyễn Văn Lắm	01/01/1966		270906892	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
314	192	Nguyễn Văn Lưom	19/05/1967		270370933	ấp 01	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
315	193	Nguyễn Văn Nghiệp	01/01/1933		270371625	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
316	194	Nguyễn Văn Thiện	08/06/1990			ấp 5	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
317	195	Nguyễn Văn Trọng	01/01/1932		270371738	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	600	Dã nhận 900.000đ vé số
318	196	Nguyễn Văn Vót	01/01/1937		270373015	ấp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
319	197	Nguyễn Văn Yên	01/01/1966		270608865	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
320	198	Phạm Hoàng Phúc	27/03/1997		272617824	ấp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
321	199	Phạm Minh Tuấn	30/11/1981		270373458	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
322	200	Phạm Thị Hào		01/01/1938	270373458	ấp 04	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
323	201	Phạm Thị Hòa		01/01/1936	270370889	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
324	202	Phạm Thị Lùng		01/01/1937	270371948	ấp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
325	203	Phạm Thị Sanh	01/01/1943	01/01/1943	270373506	ấp 04	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
326	204	Phạm Thị Tuyết Nhung		01/01/1978	272433521	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
327	205	Phạm Thị Xa		01/01/1943	270570750	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
328	206	Phạm Văn Nhỏ	01/01/1930		270370225	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
329	207	Phạm Văn Nhúm	01/01/1938		270370870	ấp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
330	208	Phạm Văn Nờ	08/10/1974		271476203	ấp 04	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
331	209	Phạm Văn Pháp	01/01/1939		270373379	ấp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
332	210	Phạm Văn sáu	01/01/1957			ấp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
333	211	Phạm Văn Trinh	01/01/1957		270608806	ấp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	

334	212	Phạm Văn Vinh	10/06/1986		272026453	áp 04	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
335	213	Phan Hữu Hiếu	01/01/1959		270373013	áp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	600	Đã nhận 900.000đ vé số
336	214	Phan Thị Đặng		01/01/1936	270061330	áp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
337	215	Phan Thị Đò		01/01/1939	270370478	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
338	216	Phan Thị Thu Vân		01/01/1936	270370767	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
339	217	Phùng Thị Minh		01/01/1935		áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
340	218	Tăng Thị Kim Lang		26/08/1959	270909011	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
341	219	Thái Thị Đặng		01/01/1937	270371236	áp 01	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
342	220	Thiều Giang	01/01/1983		271650231	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
343	221	Thiều Thanh Hải	01/01/1974		271387787	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
344	222	Thiều Thị Dung		01/01/1940	270371284	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
345	223	Thiều Thị Ngào		01/01/1931	270373272	áp 4	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
346	224	Thiều Thị Thái		01/01/1967	272830861	áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
347	225	Thiều Văn Chánh	01/01/1931		270371386	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
348	226	Thiều Văn Lập	01/01/1989		271827485	áp 2	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
349	227	Thiều Văn Pháp	01/01/1956		272105735	áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
350	228	Tổng Văn Hiếu	01/01/1980		271333474	áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
351	229	Tổng Văn Thanh	01/01/1971			áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
352	230	Trần Hoàng Khang	16/12/2001			áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
353	231	Trần Mỹ Lệ		01/01/1969	271432370	áp 1	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
354	232	Trần Mỹ Loan		01/01/1964		áp 1	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
355	233	Trần Nhật Bảo Phương		19/05/1997		áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
356	234	Trần Thanh Thâm	27/05/2001		272830968	áp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
357	235	Trần Thị A		01/01/1937	270370998	áp 4	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	750	1.500	
358	236	Trần Thị Bông		01/01/1935	270371939	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
359	237	Trần Thị Chúc		01/01/1936	270371867	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
360	238	Trần Thị Hiếu		01/01/1966		áp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	

361	239	Trần Thị Khen		01/01/1930	270463666	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
362	240	Trần Thị Nương		01/01/1940	270370363	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
363	241	Trần Thị Oí		01/01/1939	270370641	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
364	242	Trần Thị Út		01/01/1953	270808740	áp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
365	243	Trần Thị Việt		01/01/1938	270370504	áp 05	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
366	244	Trần Trí Dũng	05/08/1960		272105718	áp 5	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
367	245	Trần Văn Bé	01/01/1937		270370910	áp 1	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
368	246	Trần Văn Danh	01/01/1966		270608739	áp 3	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
369	247	Trần Văn Khoán	01/01/1932		270370333	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
370	248	Trần Văn Máy	01/01/1935		270373702	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
371	249	Trần Văn Quý	23/09/1938		270373063	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
372	250	Trần Văn Sang	10/05/1933		270371973	áp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
373	251	Trần Văn Thư	01/01/1925		270371654	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
374	252	Trần Văn Tinh	28/02/1937		270370711	áp 05	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
375	253	Trần Văn Vô	01/01/1940		270371768	áp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
376	254	Trịnh Minh Ngân	07/07/2009			áp 3	Khoản 1 Điều 5 ND 136	750	1.500	
377	255	Trịnh Thị Dẻo		01/01/1933	270370364	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
378	256	Trương Nghĩa Hiệp	01/01/1966			áp 4	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
379	257	Trương Ngọc Thảo		01/01/1983	271459218	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
380	258	Trương Tấn Tài	08/05/1980		271378483	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	
381	259	Trương Thanh Tâm	01/01/1980		271333740	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
382	260	Trương Văn Cường	01/01/1939		270370622	áp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
383	261	Trương Văn Hồ	15/06/1955		270629882	áp 01	Khoản 6 Điều 5 ND 136	750	1.500	
384	262	Từ Thị Tâm		01/01/1928	270373034	áp 1 -	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
385	263	Võ Minh Cung	01/01/1937			áp 05	Điểm b khoản 5 Điều 5 ND 136	300	1.500	
386	264	Võ Thanh Bình	01/01/1979		271427737	áp 1	Khoản 6 Điều 5 ND 136	450	1.500	
387	265	Võ Thanh Sơn	31/05/1978		270333713	áp 02	Khoản 6 Điều 5 ND 136	600	1.500	

388	266	Võ Thị Bảy			01/01/1937	27060/876	ấp 02	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
389	267	Võ Thị Đài			01/01/1966	270659004	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
390	268	Võ Thị Lựu			01/01/1939	271018486	ấp 5	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
391	269	Võ Thị Na			01/01/1929	270371984	ấp 2	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
392	270	Võ Thị Nương			01/01/1939	270371851	ấp 3	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
393	271	Võ Thị Thu Thảo			01/01/1971	270906692	ấp 5	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	450	1.500	
394	272	Võ Thị Út			01/01/1937	270370739	ấp 05	Điểm b khoản 5 Điều 5 NĐ 136	300	1.500	
395	273	Võ Văn Liễu	01/01/1969				ấp 3	Khoản 6 Điều 5 NĐ 136	600	1.500	
		3 Xã Thiện Tân								1.500	
396	1	Bùi Quang Liêm	27/10/1938			270659291	ẤP 6+7	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
397	2	Bùi Thị Mốp			01/01/1935	270380703	ẤP 6,7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
398	3	Bùi Văn Thành	01/01/1967			270659337	ẤP Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
399	4	Đặng Hoàng Thiên Ân	10/09/2005				ẤP Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
400	5	Đặng Ngọc Duyên			15/05/2003		ẤP Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
401	6	Đặng Thị Hậu			06/05/1965	270650134	ẤP Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
402	7	Đặng Thị Hương			01/01/1938	270381839	ẤP Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
403	8	Đặng Văn Chúng	01/01/1936			270659079	ẤP Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 NĐ 137	300	1.500	
404	9	Đặng Văn Lâm	01/01/1958			270908665	ẤP Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
405	10	Đặng Văn Lợi	01/01/1932			270659072	ẤP Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
406	11	Diệp Thị Thủy			01/01/1956	270398957	ẤP Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	750	1.500	
407	12	Đoàn Thị Kim Tuyền			09/06/1984	271727255	ẤP Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
408	13	Đoàn Thị Thanh Vy			13/11/2002		ẤP Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
409	14	Đoàn Văn Bổng	01/01/1955				ẤP Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
410	15	Dương Thị Hai			01/01/1922	272413220	ẤP 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
411	16	Dương Thị Lự			01/01/1940	270381885	ẤP Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
412	17	Hồ Thị Lão			01/01/1939	270381795	ẤP Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
413	18	Hồ Văn Cư	01/01/1939			270381019	ẤP Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	

414	19	Hoàng Thị Miên		01/06/1932	272192120	Ấp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
415	20	Hồng Văn Phan	01/01/1947		270381124	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
416	21	Huỳnh Thị Ai		01/01/1932	270381303	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
417	22	Huỳnh Thị Hơ		01/01/1938	270381208	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
418	23	Huỳnh Thị Nâu		01/01/1940	270381194	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
419	24	Huỳnh Thị Ngô		01/01/1935	270380708	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
420	25	Huỳnh Thị Phương		01/01/1960	272554925	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
421	26	Huỳnh Thị Reo		01/01/1935	270080759	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
422	27	Huỳnh Văn Chấn	01/01/1977		271209730	Ấp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
423	28	Lại Tấn Tài	08/05/1993		272276323	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
424	29	Lê Công Khanh	28/02/1961		270369578	Ấp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
425	30	Lê Kim Tiếng	01/01/1935		270069865	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
426	31	Lê Phước Hậu	20/08/1964		272873679	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
427	32	Lê Thị Hoa		01/01/1939	270381105	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
428	33	Lê Thị Kim Ngọc		01/01/1940	270381769	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
429	34	Lê Thị Kim Phương		01/01/1978	271309741	Ấp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
430	35	Lê Thị Lầu		01/01/1937	270380899	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
431	36	Lê Thị Mai		01/01/1940	270381489	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
432	37	Lê Thị Ngọc Thủy		08/01/1983	271459386	Ấp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
433	38	Lê Thị Sáu		01/01/1940	270381714	Ấp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
434	39	Lê Thị Siêng		01/01/1937	270381587	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
435	40	Lê Thị Ngọc Trinh		01/01/1972	272995989	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
436	41	Lê Văn Dưa	01/01/1925		270368570	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
437	42	Lê Văn Tường	01/01/1929		270381162	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
438	43	Lương Thị Bầu		01/01/1933	270659426	Ấp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
439	44	Lưu Thị Năm		01/01/1927	270362440	Ấp 6+7	Khoản 6 điều 5 ND 136	750	1.500	
440	45	Nguyễn Đức Vạn	01/01/1940		351403101	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	

441	46	Nguyễn Mai Hạ Trâm		26/08/2011		Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	750	1.500	
442	47	Nguyễn Minh Sơn	26/11/1961		270383657	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
443	48	Nguyễn Ngọc Phương	01/01/1976			Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
444	49	Nguyễn Ngọc Trức	01/01/1938		270380821	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
445	50	Nguyễn Tấn Huy	14/11/2016			Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
446	51	Nguyễn Thành Nhơn	23/12/1985		271650668	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
447	52	Nguyễn Thế Anh	03/01/1985		271650789	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
448	53	Nguyễn Thị Á		01/01/1935	270381736	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
449	54	Nguyễn Thị Anh Đào		10/11/1989	271827694	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
450	55	Nguyễn Thị Ba		01/01/1938	270659093	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
451	56	Nguyễn Thị Ba		01/01/1955	270381663	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	500	Chết T4/2020
452	57	Nguyễn Thị Bé		01/01/1946	270380766	Áp 6-7	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
453	58	Nguyễn Thị Bé		17/04/1967	270908509	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
454	59	Nguyễn Thị Đẹp		13/08/1956	270908595	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
455	60	Nguyễn Thị Diễm		01/01/1943	270381559	Áp 6-7	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
456	61	Nguyễn Thị Đồi		01/01/1940	270381064	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
457	62	Nguyễn Thị Dung		01/01/1939	270381864	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
458	63	Nguyễn Thị Gân		01/01/1929	270381188	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
459	64	Nguyễn Thị Kim Đông		19/10/1981	272118499	Áp 6+7	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
460	65	Nguyễn Thị Kim Hoa		06/06/1986	271828684	Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
461	66	Nguyễn Thị Kính		20/10/1933	272617757	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
462	67	Nguyễn Thị Lài		01/01/1937	270380939	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
463	68	Nguyễn Thị Lan		01/01/1928	020079853	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
464	69	Nguyễn Thị Lê		01/01/1931	270384158	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
465	70	Nguyễn Thị Lệ		01/01/1940	270380797	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
466	71	Nguyễn Thị Liên		01/01/1933	270381654	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
467	72	Nguyễn Thị Mạ		01/01/1932	270381251	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	500	Chết T4/2020

468	73	Nguyễn Thị Mỹ Dung		15/05/1989	272675850	Ấp 6,7	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
469	74	Nguyễn Thị Nga		01/01/1938	270381676	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
470	75	Nguyễn Thị Nga		01/01/1940	270380784	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
471	76	Nguyễn Thị Nhi		01/01/1932	270659411	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
472	77	Nguyễn Thị Thắm Phương		09/08/2000		Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
473	78	Nguyễn Thị Thu Yến		27/12/1999	272757653	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
474	79	Nguyễn Thị Tình		01/01/1936	270381589	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
475	80	Nguyễn Thị Trâm		01/01/1926	270381856	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
476	81	Nguyễn Thị Tư		01/01/1935	270381030	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
477	82	Nguyễn Thị Tường		01/01/1934	272654193	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
478	83	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/1970	270908696	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
479	84	Nguyễn Thị TY		01/01/1926	270659310	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
480	85	Nguyễn Văn Bảy	01/01/1963			Ấp Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
481	86	Nguyễn Văn Bé	01/01/1933		270381333	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
482	87	Nguyễn Văn Cai	16/11/1950		270381274	Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
483	88	Nguyễn Văn Cang	01/01/1933		270381657	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
484	89	Nguyễn Văn Chải	01/01/1938		270650592	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
485	90	Nguyễn Văn Cu	01/01/1961			Ấp Vàm	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
486	91	Nguyễn Văn Dấu	15/10/1938		270381161	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
487	92	Nguyễn Văn Đông	01/01/1965		270659218	Ấp 6-7	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
488	93	Nguyễn Văn Hai	01/01/1927		270381469	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
489	94	Nguyễn Văn Hãn	01/01/1936		270381782	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
490	95	Nguyễn Văn Nghi	01/01/1939		270381861	Ấp Ông Hoàng	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
491	96	Nguyễn Văn Nhựt	25/07/1990			Ấp Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
492	97	Nguyễn Văn Phái	11/03/1969		270650556	Ấp Ông Hoàng	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
493	98	Nguyễn Văn Phước	01/01/1938		270381210	Ấp Vàm	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
494	99	Nguyễn Văn Phước	25/03/1958		270381161	Ấp 6+7	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	

495	100	Nguyễn Văn Phước	01/01/1939		270381838	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
496	101	Nguyễn Văn Sang	02/05/1995		272464960	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
497	102	Nguyễn Văn Sáu	01/01/1936		270380699	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
498	103	Nguyễn Văn Trọng	01/01/1929		270381003	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
499	104	Nguyễn Văn Việt	01/01/1925		270381207	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
500	105	Phạm Thị Bán		01/01/1937	270381541	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
501	106	Phạm Thị Hằng		01/01/1963	272925265	Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
502	107	Phạm Thị Khoán		01/01/1940	270381779	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
503	108	Phạm Thị Ngọc Hà		01/01/1971		Áp 6-7	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	600	1.500	
504	109	Phạm Thị Tư		01/01/1937	270381689	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
505	110	Phạm Văn Banh	01/01/1940		270380804	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
506	111	Phùng Thị Hai		01/01/1962	270381282	Áp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
507	112	Phùng Thị Tụ		01/01/1940	270659117	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
508	113	Phùng Văn Đờ	01/01/1927		270381805	Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
509	114	Tăng Thị Ba		01/01/1932	270381004	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
510	115	Tổng Thị Bình		01/01/1940	270380730	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
511	116	Tổng Thị Thành Thai		01/01/1951	272330061	Áp 6-7	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	750	1.500	
512	117	Trần Nghĩa Vinh	01/01/1936		270096735	Áp Vàm	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
513	118	Trần Lê Yến Nhi		06/07/2002		Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
514	119	Trần Long Khai	27/10/1995		272515818	Áp Vàm	Khoản 6 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
515	120	Trần Ngọc Tháo Vy		13/04/2007		Áp Vàm	Khoản 1 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
516	121	Trần Nhật Đăng Khôi	24/02/2012			Áp Vàm	Khoản 1 điều 5 NĐ 136	450	1.500	
517	122	Trần Thị Bảy		01/01/1932		Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
518	123	Trần Thị Hoa		01/01/1936	270381172	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
519	124	Trần Thị Ôm		01/01/1940	270380824	Áp 6-7	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
520	125	Trần Thị Soi		01/01/1931		Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	
521	126	Trần Thị Thắm		01/01/1931		Áp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 NĐ 136	300	1.500	

522	127	Trần Thị Thơm		01/01/1936	270381792	Ấp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
523	128	Trần Văn Kim	01/01/1948		271571629	Ấp Ông Hường	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
524	129	Trần Văn Thời	01/01/1935			Ấp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
525	130	Trương Hữu Tài	24/04/1975		271209738	Ấp 6-7	Khoản 6 điều 5 ND 136	450	1.500	
526	131	Trương Thành Nghĩa	24/01/2013			Ấp 6-7	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
527	132	Trương Thị Chiến		01/01/1938	270859378	Ấp Ông Hường	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
528	133	Trương Văn Nguyên	01/01/1938		270381006	Ấp 6-7	Khoản 5 điều 5 ND 136	300	1.500	
529	134	Vũ Thành Đạt	10/11/1994		272464956	Ấp 6-7	Khoản 6 điều 5 ND 136	600	1.500	
4 Xã Bình Hòa										
530	1	An Thị Tiền		01/01/1930	270360829	Khu 2, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
531	2	Biển Thị Tâm		01/01/1939	270361714	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
532	3	Bùi Thị Chính		01/01/1934	270361380	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
533	4	Bùi Văn Sà	12/03/1933		270361202	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
534	5	Châu Thắng Hưng	01/01/1932		270777242	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
535	6	Châu Thị Nhị		01/01/1932	270361568	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
536	7	Cù Sỹ		01/01/1920	270511362	Khu 2, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
537	8	Đặng Thị Hoa		01/01/1939	270361439	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
538	9	Đặng Văn Bình	01/01/1932		270361198	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
539	10	Đặng Văn Cường	01/01/1936		270360811	Khu 2, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
540	11	Đào Thị Hiền		01/01/1971		Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
541	12	Đào Thị Ngân		01/01/1932	270361336	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
542	13	Đào Thị Phò		08/12/1933	270361695	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
543	14	Đào Thị Phụng		01/01/1936	270360844	Khu 2, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
544	15	Đào Thị Viên		01/01/1926	270361721	Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
545	16	Đào Văn Cu	01/01/1937		270361645	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
546	17	Đào Văn Ú	01/01/1930		270361576	KC T. Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
547	18	Đinh Thị TÝ		01/01/1934	270361014	K3.Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	

548	19	Đỗ Thị Lối		01/01/1929	270360575	K1 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
549	20	Đỗ Thị Súa		01/01/1929	270361111	K3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
550	21	Đoàn Nguyễn Tấn Lộc	21/01/2007			Khu A, áp Thới Sơn	Khoản 1 Điều 5 ND 136	450	1.500	
551	22	Đoàn Thị Hoa		01/01/1939	270361735	Khu B, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
552	23	Đông Thị Danh		01/01/1935	270361654	Khu B, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
553	24	Đông Thị Mọi		01/01/1934	270362049	Khu B, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số
554	25	Đông Thị Phương		01/01/1959		Khu B, áp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
555	26	Đông Thị Sốt		01/01/1930	270361334	K B T. Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
556	27	Đông Văn Đài	01/01/1947		270361941	Khu B, áp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
557	28	Đông Văn Thọ	01/01/1938		270361489	Khu C, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
558	29	Dương Thị Bảy		01/01/1953	270361457	Khu B, áp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500	
559	30	Hồ Ngọc Hạp		01/01/1945	270361618	Khu C, áp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500	
560	31	Hồ Tấn Hoàng	20/11/1965		270629383	Khu B, áp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
561	32	Hồ Thị Cúc		01/01/1931	272362030	Khu B, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
562	33	Hồ Thị Gái		01/01/1956	270360890	Khu 2, áp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
563	34	Hồ Thị Kim Thúy		16/06/2008		Khu C, áp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
564	35	Hồ Thị Mỹ Lộc		15/10/1960	270360728	Khu 1, áp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
565	36	Hồ Thị Phái		01/01/1951	270361288	Khu C, áp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500	
566	37	Huỳnh Hữu Hạnh	01/01/1961		270361236	Khu C, áp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
567	38	Huỳnh Phước Lợi	01/01/1968		270624982	Khu C, áp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
568	39	Huỳnh Thanh Tân	04/02/1976		271309287	áp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
569	40	Huỳnh Thị Diệu		01/01/1927	270361175	K3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
570	41	Huỳnh Thị Dung		01/01/1963	270360675	Khu 3 - áp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
571	42	Huỳnh Ngọc Hiền		01/01/1978	272618532	Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
572	43	Huỳnh Thị Nhơn		01/01/1934	270360544	Khu C, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
573	44	Huỳnh Văn Cường	01/01/1939		272736980	Khu A, áp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	600	Đã nhận 900.000đ vé số

574	45	Huỳnh Văn Oanh	01/01/1957		270121348	Khu 3 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
575	46	Huỳnh Văn Vui	01/01/1934		270360704	Khu 2, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
576	47	Khườn Thanh	09/12/1958		271645920	Khu 1, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
577	48	Lại Minh Tuấn	14/07/2013			Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
578	49	Lâm Kim Liên		01/01/1970		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
579	50	Lâm Thành An	01/01/1934		270360840	K3.B.Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	lao động tự do chưa hưởng
580	51	Lâm Thị Oanh		01/01/1948	270360855	Khu 3 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
581	52	Lâm Thị Tỷ		01/01/1937	270360729	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
582	53	Lâm Văn Tể	01/01/1940		270629512	Khu III, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
583	54	Lê Bạch Thu Trang		08/03/2006	0602010035	K.A. T. Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
584	55	Lê Kim Mai		25/02/1940	270156673	khu 3, Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
585	56	Lê Kim Nga		01/01/1975	341453588	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
586	57	Lê Nguyễn Hữu Nhân	11/08/2017			ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
587	58	Lê Phú Quới	01/01/1933		270361020	Khu 3, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
588	59	Lê Thị Băng		01/01/1939	270361570	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
589	60	Lê Thị Bảy		01/01/1952	270361745	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
590	61	Lê Thị Bích Liên		01/01/1972	272654058	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
591	62	Lê Thị Cúc		01/01/1945	270361004	Khu III, ấp Bình Thạch	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500	
592	63	Lê Thị Cuồng		01/01/1927	270361003	K3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
593	64	Lê Thị Dầu		01/01/1940	272554852	Khu I, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
594	65	Lê Thị Hiền		01/01/1930	272554852	K3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
595	66	Lê Thị Hoa		01/01/1930	270361093	K 3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
596	67	Lê Thị Hồng Cẩm		01/01/1986		Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
597	68	Lê Thị Huệ		01/01/1954	270360716	Khu 2, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
598	69	Lê Thị Lan		01/01/1942	272378833	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
599	70	Lê Thị Lang		01/01/1941	271445279	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
600	71	Lê Thị Súa		01/01/1934	270906515	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	

601	72	Lê Thị Thới			01/01/1937	270629393	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
602	73	Lê Thị Tuế			01/01/1932	270360865	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
603	74	Lê Thị Xấu			01/01/1937	270360825	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
604	75	Lê Thị Xuân			01/01/1954	272618566	I, ấp Bình Thạch - xã Bình	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
605	76	Lê Thị Yến			01/01/1939	270360674	ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
606	77	Lê Văn Bền	01/01/1940			270360847	Khu II, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
607	78	Lê Văn Đậu	01/01/1927			270361131	ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
608	79	Lê Văn Dẻo	01/01/1938			270361782	KB, Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
609	80	Lê Văn Hóa	25/02/1968			272588355	Khu 2, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
610	81	Lê Văn Lâm	01/01/1936			270361060	K3 - Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
611	82	Lê Văn Lượm	01/01/1958			022260925	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
612	83	Lê Văn Năm	01/01/1938			270361020	K B, Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
613	84	Lê Văn Phước	01/01/1938			270361102	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
614	85	Lê Văn Sáu	01/01/1939			270361194	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
615	86	Lê Văn Sơn	26/04/1961			270359935	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
616	87	Lê Văn Tân	01/01/1962			270361907	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
617	88	Lê Văn Thành	01/01/1963			270361720	Khu B - ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
618	89	Lê Văn Tiết	01/01/1939			270361392	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	600	1.500	
619	90	Lê Văn Tốt	01/01/1937			270361871	Khu 2, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
620	91	Lê Văn Văn	01/01/1925			270361948	Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
621	92	Lộc Thị Liễu		01/01/1975		271135865	Khu 2, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
622	93	Lương Thị Thi		01/01/1930		270361530	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
623	94	Lưu Ngọc Xuân	03/12/2000				Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
624	95	Lý Thị Ngọc Diệp		01/01/1973		271209035	Khu 3 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
625	96	Lý Văn Dục	01/01/1934				K3. Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	500	Chết T4/2020
626	97	Lý Văn Ngân	01/01/1931			270361081	K 3 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
627	98	Mai Hữu Đức	01/01/1990			272053028	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	

628	99	Mai Huỳnh Phương Bảo	11/05/2011		Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
629	100	Mai Ngọc Quang	01/01/1969		Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
630	101	Mai Thành Lễ	01/01/1977		Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
631	102	Mai Thị Khoai		01/01/1938	K 1, Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
632	103	Mai Thị Nhân		01/01/1940	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
633	104	Mai Thị Tuyết Hạnh		01/01/1986	ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
634	105	Ngô Đức	14/04/1936		KB. ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
635	106	Ngô Lâm Hùng	09/11/2006		Khu 3 - Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
636	107	Ngô Minh Mẫn	01/01/1938		Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
637	108	Ngô Muội		01/01/1929	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
638	109	Ngô Phi Hùng	01/01/1964		Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
639	110	Ngô Thanh Lộc	01/01/1980		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
640	111	Ngô Thị Cung		01/01/1940	Khu III, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
641	112	Ngô Thị Hoa		02/07/1963	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	600	Đã nhận 900.000đ vé số
642	113	Ngô Thị Tiến		01/01/1951	ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
643	114	Ngô Thị Tuyết Lan		25/06/1960	Khu III, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
644	115	Ngô Tuấn Thành	01/01/1990		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
645	116	Ngô Văn Minh	27/08/1938		Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
646	117	Ngô Văn Thư	01/01/1967		Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
647	118	Nguyễn An Hội	01/01/1957		Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500	
648	119	Nguyễn Anh Luật	01/01/1984		Khu 1 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
649	120	Nguyễn Hùng Cường	01/01/1963		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
650	121	Nguyễn Hữu An	01/01/1959		ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
651	122	Nguyễn Huỳnh Khả Nam	24/08/2013		Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
652	123	Nguyễn Minh Tâm	01/01/1934		Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
653	124	Nguyễn Ngọc Cát Tường		29/01/2013	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
654	125	Nguyễn Ngọc Loan		01/01/1949	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500	

655	126	Nguyễn Ngọc Thiện			24/04/1978	271309466	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	450	1.500	
656	127	Nguyễn Thái Bình	01/11/1972			271098222	Khu 01 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	450	1.500	
657	128	Nguyễn Thành Đạt	25/10/2018				ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	600	1.500	
658	129	Nguyễn Thành Nhân	18/02/2002				Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	600	1.500	
659	130	Nguyễn Thanh Tâm			01/01/1966	271489648	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	450	1.500	
660	131	Nguyễn Thị Bén			01/01/1965	270629377	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	600	1.500	
661	132	Nguyễn Thị Châu			01/01/1939	272028220	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
662	133	Nguyễn Thị Còn			01/01/1923	270360974	K3.Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
663	134	Nguyễn Thị Dấu			01/01/1966	300473731	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	450	1.500	
664	135	Nguyễn Thị Dẻo			01/01/1927	270361374	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
665	136	Nguyễn Thị Dung			01/01/1940	270360646	Khu I, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
666	137	Nguyễn Thị Hồng Nga			01/01/1976		Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	600	1.500	
667	138	Nguyễn Thị Huệ			25/05/1960	270360587	ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	600	1.500	
668	139	Nguyễn Thị Khuyên			25/03/1940	270019789	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
669	140	Nguyễn Thị Kiều			01/01/1939	270360807	ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
670	141	Nguyễn Thị Lan			01/01/1936	270384237	Khu III - Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
671	142	Nguyễn Thị Lùng			01/01/1930		K I B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
672	143	Nguyễn Thị Mười			01/01/1923	270361904	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
673	144	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh			03/03/1988	271827006	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	450	1.500	
674	145	Nguyễn Thị Nga			05/05/1935	270361499	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
675	146	Nguyễn Thị Nhanh			01/01/1938	270361759	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
676	147	Nguyễn Thị Nhỏ			01/01/1932	270361856	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
677	148	Nguyễn Thị Phương			01/01/1937	272449629	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
678	149	Nguyễn Thị Phương Như			02/09/2007		Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	750	1.500	
679	150	Nguyễn Thị Sương			01/01/1935	270361197	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
680	151	Nguyễn Thị Tám			01/01/1934	270361867	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, NĐ 136	300	1.500	
681	152	Nguyễn Thị Thảo Nhi			12/07/2003	0302010075	Khu 3, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 NĐ 136	450	1.500	

682	153	Nguyễn Thị Thom		01/01/1936	270360576	Khu I - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
683	154	Nguyễn Thị Thúy Kiều		01/01/1980	271377682	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
684	155	Nguyễn Thị To		10/02/1941	270361427	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
685	156	Nguyễn Thị Tuyết Hồng		01/01/1963	270368751	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
686	157	Nguyễn Thị Tuyết Mai		01/01/1962	270629574	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
687	158	Nguyễn Thị Tuyết Nga		15/11/1960	271098238	Khu I, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
688	159	Nguyễn Thị Xảo		01/01/1939	270361124	ấp Bình Thạch	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
689	160	Nguyễn Thị Y		01/01/1937	272294175	Bình Thạch	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
690	161	Nguyễn Tuấn Khang	11/08/2014			Khu 01 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
691	162	Nguyễn Văn Biền	01/01/1937		270361634	Khu A, ấp Thới Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
692	163	Nguyễn Văn Cao	01/01/1933		270362054	Khu C, ấp Thới Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
693	164	Nguyễn Văn Còn	01/01/1947		272349507	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
694	165	Nguyễn Văn Cu	01/01/1937		270360629	Khu I - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
695	166	Nguyễn Văn Dầu	01/01/1930		270361825	K C T. Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
696	167	Nguyễn Văn Hoàng	06/09/1976		271239548	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
697	168	Nguyễn Văn Kỳ	04/02/1963		270361032	ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
698	169	Nguyễn Văn Lâm	01/01/1939		270361711	Khu A, ấp Thới Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
699	170	Nguyễn Văn Lo	10/07/1933		270629335	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	
700	171	Nguyễn Văn Nhứt	01/01/1935		270361468	Khu A, ấp Thới Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
701	172	Nguyễn Văn Thu	01/01/1935		270624966	Khu C, ấp Thới Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
702	173	Nguyễn Văn Tiền	15/06/1989		271879365	Khu 2, ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
703	174	Nguyễn Văn Tư	13/09/1938		270361747	Khu A, ấp Thới Sơn	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
704	175	Nguyễn Văn Tư	20/09/1951		270385271	Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
705	176	Nguyễn Ý Vy		01/01/1998		Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500	
706	177	Phạm Huỳnh Mai		01/01/1944	270360644	ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500	
707	178	Phạm Ngọc Mỹ		01/01/1940	270360667	Khu I, ấp Bình Thạch	Diễm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500	
708	179	Phạm Quốc Hùng	14/04/2009			Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500	

709	180	Phạm Thị Bé			01/01/1934	270361215	Khu C, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
710	181	Phạm Thị Cơ			01/01/1933	270360636	Khu 1 - Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
711	182	Phạm Thị Diệu			01/01/1957	270361416	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500
712	183	Phạm Thị Khen			01/01/1939	270361314	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
713	184	Phạm Thị Mỹ			01/01/1943	270361967	Khu B, ấp Thới Sơn	Điểm a Khoản 5 Điều 5 ND 136	450	1.500
714	185	Phạm Thị Nơi			01/01/1937	272547975	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
715	186	Phạm Thị Thôi			01/01/1936	270360800	Khu II - Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
716	187	Phạm Thị Tý			01/01/1943	270360818	Khu 02- ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
717	188	Phạm Văn Lễ	01/01/1940			270360711	Khu II, ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
718	189	Phạm Văn Ban	01/01/1936			270360690	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
719	190	Phạm Văn Bĩa	01/01/1928			270361757	K A T. Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
720	191	Phạm Văn Nghệ	01/01/1923			270098160	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
721	192	Phạm Văn Nghiệp	01/01/1933			270360580	Khu 1 - Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
722	193	Phạm Văn Nguyên	01/01/1935			270360652	Khu 01 - ấp Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
723	194	Phạm Văn Quốc	01/01/1963			270361808	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
724	195	Phạm Văn Sang	01/01/1930			270361925	Khu A, ấp Thới Sơn	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
725	196	Phạm Văn Tánh	01/01/1964			270361686	Khu 2 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
726	197	Phạm Văn Trứng	01/01/1936			270360754	Khu 02 - Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
727	198	Phạm Xuân Trường	01/01/1961				K3, Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
728	199	Phan Ngọc Châu	25/12/1959			270128817	Khu A, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
729	200	Phan Thị Hồng Gấm			29/02/1996	9604030624	Khu 2 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
730	201	Phan Thị Tao			01/01/1927	270360825	K2 B. Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
731	202	Phùng Hải Triều	31/07/2010				Khu 1 - ấp Bình Thạch	Khoản 6 điều 3 ND 136	750	1.500
732	203	Phùng Minh Hiếu	01/01/1987				Khu C, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500
733	204	Phùng Minh Tiến	17/03/1981			271427302	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	450	1.500
734	205	Phùng Thị La			01/01/1932	270360987	Bình Thạch	Điểm b, khoản 5, điều 5, ND 136	300	1.500
735	206	Phùng Thị Liên			07/12/1961	270361860	Khu B, ấp Thới Sơn	Khoản 6 điều 3 ND 136	600	1.500